

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 5 và 5 tháng năm 2017

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tháng 5 tăng 3,09% so với tháng trước. Trong tháng, một số ngành có chỉ số sản xuất tăng so với tháng trước: sản xuất kim loại (+33,61%); sản xuất đồ uống (+13,55%); giấy (+12,26%); sản xuất sản phẩm điện tử (+6,1%); dệt (5,83%); da (+2,27%)... Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm: sản xuất xe có động cơ (-1,26%); sản xuất hóa chất (-2,05%); trang phục (-3,45%); thuốc, hóa dược (-5,02%)...

So với tháng 5/2016, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 4,37%.

Tính chung 5 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tăng 7,29% so với cùng kỳ năm trước¹, cao hơn mức tăng của cùng kỳ 2016; trong đó: ngành khai khoáng tăng 107,76%, đóng góp 0,28 điểm phần trăm; ngành công nghiệp chế biến tăng 6,97%, đóng góp 6,76 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,53%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối nước tăng 10,73%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm vào mức tăng chung toàn ngành.

Nhìn chung, Chỉ số phát triển của ngành công nghiệp Thành phố trong 5 tháng đầu năm vẫn duy trì mức độ tăng trưởng khá và ổn định, đặc biệt là các ngành công nghiệp trọng điểm luôn tăng cao hơn mức tăng chung của toàn ngành.

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Tháng 5/2017 so với tháng 4/2017	Đơn vị tính: % 5 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	103,09	107,29
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	94,39	207,76
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	103,19	106,97
3. SX và phân phối điện	99,70	105,53
4. SX và phân phối nước	101,05	110,73
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	105,34	108,93
2. Sản xuất đồ uống	113,55	102,38
3. Sản xuất trang phục	96,55	103,43

¹ Chỉ số IIP 5 tháng 2016 tăng 6,4% so cùng kỳ.

	Tháng 5/2017 so với tháng 4/2017	5 tháng so với cùng kỳ
4. Sản xuất da và SP liên quan	102,27	89,28
5. SX hóa chất và SP hóa chất	97,95	102,73
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	101,99	97,35
7. SP từ khoáng phi kim loại	100,32	111,15
8. Sản xuất SP điện tử	106,10	112,10
9. Sản xuất thiết bị điện	88,04	116,73
10. Sản xuất xe có động cơ	98,74	174,03

Trong các ngành công nghiệp cấp 2, có 21/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. **Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng** như: sản xuất kim loại (+31,71%); sản xuất thiết bị điện (+16,73%); sản xuất sản phẩm điện tử (+12,1%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+11,15%); sản xuất giấy (+9,8%); ngành sản xuất xe có động cơ tiếp tục có mức tăng cao (+74,03%) trong đó sản xuất, lắp ráp xe có động cơ dưới 10 người tăng khá cao... **Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm:** dệt (-1,29%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (-2,65%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (-7,36%); da (-10,72%)... Nguyên nhân: các doanh nghiệp (đặc biệt là ngành da) gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng mới và nguồn nguyên liệu đầu vào.

Chỉ số sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 5 tăng 3,17% so với tháng trước; tăng 4,27% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 5 tháng đầu năm tăng 9,68% cao hơn mức tăng chung của toàn ngành. Trong đó, nhóm ngành lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 4,87%; nhóm ngành sản xuất hàng điện tử tăng 12,1%; nhóm ngành cơ khí tăng 19,35%, riêng nhóm ngành hóa dược giảm nhẹ 0,04%.

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

	Tháng 5 so với tháng 4	5 tháng so với cùng kỳ 2016
Tổng số	103,17	109,68
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	110,10	104,87
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	105,34	108,93
11-Sản xuất đồ uống	113,55	102,38
B-Nhóm Ngành hóa dược	98,40	99,96
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	97,95	102,73
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	94,98	100,88
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	101,99	97,35
C-Ngành Sản xuất hàng điện tử	106,10	112,10
26-Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	106,10	112,10
D-Nhóm ngành cơ khí	96,08	119,35
25-Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	104,78	106,68
27-Sản xuất thiết bị điện	88,04	116,73
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	83,39	90,11
29-Sản xuất xe có động cơ	98,74	174,03
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	104,42	107,11

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 4/2017 tăng 4,34% so với tháng trước, tăng 22,12% so với tháng cùng kỳ 2016. Tính chung 4 tháng đầu năm, chỉ số tiêu thụ tăng 13,86%. Trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất xe có động cơ; sản xuất phương tiện vận tải khác; sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất thiết bị điện; chế biến thực phẩm...Ngành có chỉ số tiêu thụ giảm: sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất da; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; dệt...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/5 tăng 2,02% so với tháng trước, tăng 85,75 % so với cùng kỳ năm 2016. Ngành có chỉ số tồn kho tăng: sản xuất chế biến thực phẩm; in; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại; sản xuất kim loại; sản xuất thiết bị điện; sản xuất xe có động cơ...Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: da; sản xuất hóa chất; sản xuất phương tiện vận tải...

II. NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt:

Diện tích gieo trồng lúa đông xuân ước đạt 5.403 ha (thu hoạch 86,7% diện tích), tăng 4,7% so cùng kỳ năm trước, trong đó huyện Củ Chi chiếm 79,1%, tăng 5,3%, huyện Hóc Môn chiếm 16,7%, tăng 1,1%...Năng suất ước đạt 48,2 tạ/ha; sản lượng lúa ước đạt 26.046 tấn.

Diện tích lúa hè thu đã xuống giống 2.310 ha, tăng 18,5% so với tiến độ cùng kỳ. Rau gieo trồng 7.254 ha, giảm 0,4% so cùng kỳ. Hoa cây cảnh 1.610 ha, tăng 9,2%

Sâu bệnh trên cây trồng: Diện tích lúa nhiễm sinh vật hại trong tháng là 386 lượt ha, cao hơn 46,8 ha so cùng kỳ; rau 745 lượt ha, thấp hơn cùng kỳ 120 lượt ha.

1.2. Chăn nuôi: theo kết quả điều tra chăn nuôi tại thời điểm 1/4/2017, tổng đàn heo đạt 309,3 ngàn con, giảm 8,9% so với cùng thời điểm năm trước do giá heo giảm giá mạnh và kéo dài; đàn gia cầm 469,7 ngàn con, tăng 4,6%. Đàn trâu bò ước 126,2 ngàn con, giảm 7,3%; trong đó đàn bò sữa chiếm 77%, ước đạt 97,2 ngàn con, giảm 2% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 5 ước đạt 4.821,9 tấn, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng khai thác đạt 1.670 tấn, tăng 18,5% (sản lượng cá chiếm 61,5%, tăng 48,1%); sản lượng nuôi trồng 3.151,8 tấn, tăng 7,8% so với cùng kỳ.

Lũy kế 5 tháng đầu năm, sản lượng thủy sản ước đạt 22.028 tấn, tăng 4,5% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng thủy sản khai thác ước 8.668,8 tấn, tăng 2,4%; nuôi trồng 13.359 tấn, tăng 5,9% so cùng kỳ năm trước.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 10/05, có 394 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 73 triệu con giống trên diện tích 3.013,6 ha. Tôm thẻ chân trắng có 852 lượt hộ thả nuôi với 230,5 triệu con giống trên diện tích 592,5 ha.

Dịch bệnh trên tôm (tại huyện Cần Giờ): từ đầu năm đến nay có 110 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 70,5 ha. Có 58 hộ với 27,7 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 5 tháng ước thực hiện 76.466 tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 8,8%).

Trong đó: Vốn từ ngân sách thành phố là 5.965,3 tỷ đồng, tăng 2,5% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 3.810,0 tỷ đồng, chiếm 63,9%; cấp quận huyện ước thực hiện 2.155,3 tỷ đồng, chiếm 36,1%.

Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 5 tháng/2017 (tỷ đồng)	So với Cùng kỳ 2016 (%)
Tổng vốn đầu tư	5.965,3	102,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	229,9	48,1
Cấp thành phố	3.810,0	108,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	132,7	43,1
Cấp quận huyện	2.155,3	93,4
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	97,2	57,5

Tháng 5 ước thực hiện so với tháng trước tăng khá cao (33,4%), so với tháng cùng kỳ tăng 4,9%. Trong đó có nhiều dự án khối lượng thực hiện khá cao như:

- + Dự án cải thiện môi trường nước (giai đoạn 2), kế hoạch vốn năm 100 tỷ đồng, ước thực hiện 5 tháng 252,6 tỷ đồng;
- + Dự án nút giao thông Mỹ Thủy, kế hoạch vốn năm 150 tỷ đồng, ước thực hiện 5 tháng 74,2 tỷ đồng;
- + Dự án Nghĩa trang Chính sách thành phố, kế hoạch vốn năm 150 tỷ đồng, ước thực hiện 5 tháng 81,5 tỷ đồng;
- + Xây cầu nối cầu Nguyễn Tri Phương với đường Võ Văn Kiệt, kế hoạch vốn năm 120 tỷ đồng, ước thực hiện 5 tháng 65,7 tỷ đồng;
- + Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch, kế hoạch vốn năm 80 tỷ đồng, ước thực hiện 5 tháng 24,2 tỷ đồng; ...

Tình hình chung 5 tháng, khối lượng thực hiện tập trung chủ yếu vào các dự án cầu, đường, hệ thống thoát nước...

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: Trong tháng, khối lượng thực hiện lắp ghép các nhịp cầu trong tháng đạt khá cao.
- Dự án cầu vượt thép tại nút giao Ngã 6 Gò Vấp: Hiện đã thông xe một nhánh đường Nguyễn Oanh – Nguyễn Kiệm, còn gói thầu nhánh cầu Nguyễn Oanh – Phạm Ngũ Lão, đang giải phóng mặt bằng.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 4, toàn thành phố đã cấp 17.004 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 3.500,4 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 16.709 giấy phép, với diện tích 3.470,9 ngàn m² và 295 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 29,5 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 1,6% về giấy phép (+263) và tăng 8,1% về diện tích (+260,8 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài²

Từ đầu năm đến ngày 15/5, Thành phố đã có 270 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký đạt 335,1 triệu USD, bằng 69,6% so với cùng kỳ năm trước. Điều chỉnh tăng vốn đầu tư các dự án cấp phép những năm trước có 79 dự án với vốn đạt 256,3 triệu USD. Góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài 745 trường hợp với tổng giá trị góp vốn là 728,2 triệu USD.

Như vậy, tính chung tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới, cấp vốn bổ sung và đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần đến ngày 15/5 đạt 1.319,6 triệu USD, tăng 42,4% so với cùng kỳ.

Phân loại các dự án được cấp phép mới:

- **Theo hình thức đầu tư:** có 234 dự án 100% vốn nước ngoài với vốn đầu tư chiếm 70,5% tổng vốn đăng ký, đạt 236,6 triệu USD; liên doanh 34 dự án, vốn đầu tư đạt 98,3 triệu USD; hợp đồng hợp tác kinh doanh 2 dự án, vốn đầu tư 250 ngàn USD.

- **Theo lĩnh vực hoạt động:** công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với 17 dự án, vốn đầu tư đạt 122,7 triệu USD (chiếm 36,6%); thương nghiệp 122 dự án, vốn đầu tư 87,9 triệu USD (chiếm 26,2%); thông tin và truyền thông 31 dự án, vốn đầu tư 54,6 triệu USD (chiếm 16,3%); kinh doanh bất động sản 8 dự án, vốn đầu tư 40 triệu USD (chiếm 11,9%); xây dựng 15 dự án, vốn đầu tư 11,3 triệu USD; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ 56 dự án, vốn đầu tư 12,4 triệu USD; vận tải kho bãi 11 dự án, vốn đầu tư 4,5 triệu...

- **Theo quốc tịch của nhà đầu tư:** đã có 31 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn. Trong đó, Hàn Quốc 49 dự án, vốn đầu tư đạt 91,8 triệu USD (chiếm 27,4%); Malaysia 11 dự án, vốn đầu tư 45 triệu USD (chiếm 13,4%); Singapore 34 dự án, vốn đầu tư 39,9 triệu USD (chiếm 11,9%); Đài Loan 11 dự án, vốn đầu tư 35,9 triệu USD (chiếm 10,7%); Nhật Bản 40 dự án, vốn đầu tư 35,8 triệu USD (chiếm 10,7%); Hà Lan 9 dự án, vốn đầu tư 31,9 triệu USD (chiếm 9,5%); Hồng Kông 16 dự án, vốn đầu tư 16 triệu USD (chiếm 4,8%); Thái Lan 8 dự án, vốn đầu tư 12,8 triệu USD (chiếm 3,8%)...

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp³ (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)

Từ đầu năm đến ngày 15/5, thành phố có 14.796 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đạt 163.003 tỷ đồng, tăng 11,5% về số lượng doanh nghiệp và tăng 63,1% về số vốn đăng ký.

Theo loại hình doanh nghiệp: 217 doanh nghiệp tư nhân với vốn đăng ký đạt 141 tỷ đồng; công ty cổ phần 1.655 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 72.046 tỷ

^{2;3} Nguồn Sở Kế hoạch và đầu tư

đồng, tăng 31,3% về vốn so với cùng kỳ; công ty TNHH 12.924 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 90.815 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ.

Theo khu vực kinh tế:

- Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 87 doanh nghiệp với vốn đăng ký 701 tỷ đồng, giảm 21,5% so với cùng kỳ.

- Khu vực công nghiệp và xây dựng 3.329 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 40.044 tỷ đồng, tăng 11,6% về số lượng và tăng 80,4% về vốn đăng ký. Trong đó, xây dựng 1.624 doanh nghiệp, tăng 17,8%; vốn đăng ký đạt 28.121 tỷ đồng, gấp 2,4 lần so với cùng kỳ.

- Khu vực thương mại dịch vụ có 11.380 doanh nghiệp, tăng 11,4%, vốn đăng ký đạt 122.258 tỷ đồng, tăng 59,1%. Trong đó, vốn đăng ký của lĩnh vực kinh doanh bất động sản đạt 64.413 tỷ đồng, tăng 77,7%; thương mại 29.592 tỷ đồng, tăng 55,9% so với cùng kỳ năm trước.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động⁴

Trong 4 tháng, Thành phố đã có 847 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, bằng 24,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 673 công ty TNHH, chiếm 79,5%; 90 công ty cổ phần; 54 doanh nghiệp tư nhân và 27 công ty có vốn đầu tư nước ngoài.

Chuyển đi tỉnh thành khác có 315 doanh nghiệp, tăng 14,1% so cùng kỳ; 2.192 doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động và 3.306 doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh.

IV. NỘI THƯƠNG

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trong tháng 5 có mức tăng nhẹ so tháng trước (+0,6%), và tăng 9,8% so tháng cùng kỳ năm trước, chủ yếu tăng ở ngành thương mại bán lẻ hàng hóa (+11,6%) và ngành dịch vụ (+10,3%).

Ước tính tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 5 đạt 74.504,1 tỷ đồng. Trong đó, **doanh thu bán lẻ hàng hóa** đạt 48.070 tỷ đồng, tăng 2,3% so tháng trước và tăng 11,6% so tháng cùng kỳ. Chủ yếu tăng ở nhóm hàng lương thực, thực phẩm (+1,6%), gỗ và vật liệu xây dựng (+4%), phương tiện đi lại (+2%). **Doanh thu khách sạn nhà hàng** 6.908,2 tỷ đồng, giảm 7% so tháng trước, tăng 1,6% so tháng cùng kỳ. **Doanh thu du lịch lữ hành** 1.482,6 tỷ đồng, giảm 14,1% so tháng trước, giảm 8,6% so cùng kỳ. **Doanh thu dịch vụ khác** đạt 18.043,4 tỷ đồng, tăng 0,7% so tháng trước và tăng 10,3% so cùng kỳ.

Ước tính 5 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 375.158,4 tỷ đồng, tăng 10,5% so cùng kỳ. Cụ thể:

- Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 25.941,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 6,9%, tăng 5,3%.

- Kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 293.197,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 78,2%, tăng 9,3%.

- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 56.018,9 tỷ đồng, chiếm 14,9%, tăng 20,4% so cùng kỳ.

⁴ Nguồn Cục Thuế Thành phố.

Chia theo ngành kinh tế:

- **Doanh thu bán lẻ hàng hóa** ước đạt 242.502,6 tỷ đồng, chiếm 64,6% trong tổng mức, tăng 12,9%. Trong đó: nhóm hàng lương thực thực phẩm chiếm 17,9%, tăng 11,5%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình chiếm 19,9%, tăng 11,5%; hàng may mặc chiếm 6,9%, tăng 10,5%; phương tiện đi lại chiếm 8,5%, tăng 21,1% (riêng ô tô các loại chiếm 2,9%, tăng 18,3%), xăng dầu các loại chiếm 8,3%, tăng 16,4%.

- **Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống:** đạt 36.555,7 tỷ đồng, chiếm 9,7% trong tổng mức, tăng 0,6% so cùng kỳ. Trong đó dịch vụ lưu trú tăng 27,1%; Dịch vụ ăn uống giảm 2%.

- **Doanh thu du lịch lữ hành:** đạt 7.645,8 tỷ đồng, chiếm 2% trong tổng mức, tăng 3,1% so cùng kỳ. Từ tháng 5 năm 2017, Sở Du lịch thành phố Hồ Chí Minh sẽ tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật đường phố với tên gọi "Ho Chi Minh street Show", diễn ra thứ 7 và chủ nhật hàng tuần từ 20 giờ đến 21 giờ trên phố đi bộ Nguyễn Huệ, với 6 cụm sân khấu trình diễn cùng lúc các loại hình nghệ thuật khác nhau. Các sân khấu này được thiết kế sáng tạo, mang đậm hơi thở đường phố và nét đặc trưng của du lịch thành phố Hồ Chí Minh, hy vọng sẽ thu hút đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế.

- **Doanh thu dịch vụ** (gồm: kinh doanh bất động sản, hành chính hỗ trợ, giáo dục đào tạo, y tế, nghệ thuật vui chơi giải trí, dịch vụ khác) đạt 88.454,2 tỷ đồng, chiếm 23,6% trong tổng mức, tăng 9,4% so cùng kỳ.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 5 đạt 3.179,2 triệu USD, tăng 12% so tháng trước. **Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 14.000,1 triệu USD, tăng 17,1% so cùng kỳ.**

Loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu 5 tháng đầu năm ước đạt 12.793,7 triệu USD, tăng 17,3% so cùng kỳ.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 5 đạt 2.825,4 triệu USD, tăng 0,7% so tháng trước. Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 12.974,3 triệu USD, tăng 22,1% so cùng kỳ. Loại trừ dầu thô ước đạt 11.767,8 triệu USD, tăng 22,8%.

Chia theo thành phần kinh tế:

+ Kinh tế nhà nước đạt 1.512,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 11,7%, giảm 3,2% (giảm 50,6 triệu USD).

+ Kinh tế ngoài nhà nước đạt 4.196,3 triệu USD, chiếm 32,3%, tăng 8,2% (tăng 318,5 triệu USD).

+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 7.265,4 triệu USD, chiếm 56%, tăng 40% (tăng 2.075,8 triệu USD).

Thị trường xuất khẩu chủ yếu vẫn là Mỹ, Nhật, Trung Quốc chiếm tỷ trọng 46,1%. Cụ thể: đứng đầu là Trung Quốc với 2.557,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 19,7%; Mỹ chiếm vị trí thứ 2 với 2.208,5 triệu USD, chiếm 17%, Nhật Bản đứng thứ 3 với 1.213,7 triệu USD, chiếm 9,4%, Hàn Quốc thứ 4 với 688,9 triệu USD, chiếm 5,3%, Malaysia theo sát ở vị trí thứ 5 với 652,7 triệu USD, chiếm 5%; kế đến là Hồng Kông, Đức, Thái lan

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu (không kể dầu thô):

- **Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản** đạt 2.134,3 triệu USD, tăng 3,7% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 18,1%. Ngoại trừ chè, hạt tiêu, gạo, sản giảm, hầu hết các mặt hàng nhóm này đều có kim ngạch tăng so cùng kỳ. Trong đó

+ Gạo xuất khẩu 397,7 ngàn tấn, tăng 12,7% về lượng so với cùng kỳ; về giá trị đạt 356,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,3%, giảm 20,4% so cùng kỳ. Nguyên nhân xuất khẩu gạo giảm do thị trường Philippines giảm sâu đến 77% (tương đương giảm 56 triệu USD).

+ Cà phê xuất khẩu 174,1 ngàn tấn, giảm 19,5% về lượng so với cùng kỳ; đạt 392,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,3% , tăng 14,9% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Đức, Mỹ, Tây Ban Nha.

+ Hàng thủy hải sản đạt 281,7 triệu USD, tăng 9,7%, chiếm tỷ trọng 2,4%.

+ Hàng lâm sản đạt 215,2 triệu USD, tăng 7,4%, chiếm tỷ trọng 1,8%.

- **Nhóm hàng công nghiệp** đạt 8.698,9 triệu USD, tăng 27,7% và chiếm tỷ trọng 73,9%. Trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: ước xuất đạt 3.335,4 triệu USD, tăng 67,3% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 28,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể giá trị dầu thô. Giá trị xuất khẩu của mặt hàng này chủ yếu ở doanh nghiệp FDI chiếm 99,3%; còn lại là doanh nghiệp trong nước 0,7%. Thị trường lớn nhất phải kể đến là Trung Quốc chiếm 35% (tăng 112% so cùng kỳ); kế đến là Malaysia chiếm 14% (+238,9%), Hồng Kông chiếm 11% (+5,6%).

+ Hàng may mặc ước đạt 1.996,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 17%, tăng 1,6% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 43,3%; khu vực trong nước chiếm 56,7%. Thị trường chủ yếu vẫn là Mỹ, Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc.

+ Hàng giày dép ước xuất 1.034 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8,8%, tăng 10,1% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 84,7%, khu vực trong nước chiếm 15,3%. Thị trường chủ đạo là Mỹ, Đức, Nhật, Trung Quốc, Anh, Bỉ, Pháp chiếm trên 73%.

- **Nhóm hàng hóa khác** đạt 934,5 triệu USD, tăng 31,2%, chiếm tỷ trọng 7,9%

+ Riêng dầu thô: ước 5 tháng xuất đạt 2.920,5 ngàn tấn, giảm 16,7% về lượng, về giá trị đạt 1.206,5 triệu USD, tăng 14,9%, do giá bình quân tăng 38,1% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 5 đạt 3.583,8 triệu USD, tăng 6% so tháng trước. **Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 16.566,2 triệu USD, tăng 18% so cùng kỳ.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 5 ước đạt 3.200,5 triệu USD, tăng 7,3% so tháng trước. Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 14.533,4 triệu USD, tăng 19,7% (tương đương tăng 2.391,4 triệu USD). Chia ra:

+ Thành phần kinh tế Nhà nước đạt 731,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5%, tăng 9,1%;

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước 7.415 triệu USD, chiếm 51%, tăng 13,8%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 6.386,5 triệu USD, chiếm 43,9%, tăng 28,9%;

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 05 tháng đầu năm 2017:

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: đạt 3.395,7 triệu USD, tăng 49,8% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 23,4%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc, Mỹ, Hàn Quốc.

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng: đạt 1.836 triệu USD, tăng 5,6% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 12,6%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Singapore.

+ Nhiên liệu: về lượng ước nhập 538,6 ngàn tấn, giảm 6,3%; kim ngạch đạt 344,2 triệu USD, chiếm 2,4%, tăng 39% là do giá bình quân tăng 48,4%. Thị trường chính Singapore, Hàn Quốc, Malaysia.

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 309,9 triệu USD, chiếm 2,1%, tăng 5,4% so cùng kỳ. Các đối tác lớn như Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật, Hồng Kông.

+ Vải nhập 953,4 triệu USD, chiếm 6,6%, tăng 4,1%. Thị trường chủ yếu Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc và Nhật.

+ Sắt thép đạt 666,8 triệu USD, chiếm 4,6%, tăng 15,8%. Thị trường chính là Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan.

+ Dược phẩm đạt 528,7 triệu USD, chiếm 3,6%, tăng 0,1%.

+ Chất dẻo nguyên liệu đạt 752,5 triệu USD, chiếm 5,2%, tăng 22,6%.

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 5 ước đạt 6.648,4 tỷ đồng, tăng 2,6% so với tháng trước. Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 33.835 tỷ đồng, tăng 18,5% so cùng kỳ 2016.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 5 tháng đầu năm 2017

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2016	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	24.453,4	9.381,6	117,3	121,5
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	1.898,9	144,0	111,3	102,2
Kinh tế ngoài nhà nước	22.391,5	6.983,2	117,9	119,2
Kinh tế có vốn nước ngoài	163,0	2.254,5	119,7	130,8
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	14.519,7	7.134,2	117,4	119,4
Đường sông	2.363,9	145,2	106,7	97,2
Đường biển	7.512,1		121,1	
Đường hàng không	57,7	2.102,2	118,6	131,5

- **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 5 ước đạt 4.797,9 tỷ đồng, tăng 2,9% so tháng trước. Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 24.453,4 tỷ đồng, tăng 17,3% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 91,6%, tăng 17,9%; kinh tế nhà nước chiếm 7,8%, tăng 11,3%.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ chiếm tỷ trọng 59,4%, tăng 17,4%, đường biển chiếm tỷ trọng 30,7%, tăng 21,1%.

- **Vận tải hành khách:** Doanh thu tháng 5 ước đạt 1.850,5 tỷ đồng, tăng 1,9% so tháng trước. Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 9.381,6 tỷ đồng, tăng 21,5% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 74,4%, tăng 19,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 24%, tăng 30,8%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 7.134,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 76%, tăng 19,4%; Đường hàng không chiếm 22,4%, tăng 31,5%.

VII. TÀI CHÍNH

1. Tài chính

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 5 tháng ước thực hiện 147.461 tỷ đồng, đạt 42,39% dự toán, tăng 18,40% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 97.552 tỷ đồng, đạt 43,07% dự toán, tăng 22,25% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 7.310 tỷ đồng, đạt 58,95% dự toán, tăng 27,16% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 42.600 tỷ đồng, đạt 39,08% dự toán, tăng 9,24% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2017 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2017 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2016
Tổng thu cân đối ngân sách NN	347.882	147.461	42,39	118,40
I- Thu nội địa	226.482	97.552	43,07	122,25
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.447	9.184	34,73	90,89
2. Khu vực ngoài nhà nước	57.147	22.398	39,19	114,21
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	66.884	25.714	38,45	124,29
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	109.000	42.600	39,08	109,24
III- Thu từ dầu thô	12.400	7.310	58,95	127,16

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 9,41% tổng thu nội địa, giảm 9,11% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 6.314 tỷ đồng, đạt 34,58% dự toán, giảm 6,61% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 2.870 tỷ đồng, đạt 35,05% dự toán, giảm 14,16% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 22.398 tỷ đồng, tăng 14,21% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 25.714 tỷ đồng, tăng 24,29% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương 5 tháng ước thực hiện 38.089 tỷ đồng, đạt 56,22% dự toán, tăng 25,89% so cùng kỳ năm 2016.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 5 tháng ước thực hiện 15.445 tỷ đồng, đạt 21,86% dự toán, giảm 11,38% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2017 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2017 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2016
Tổng chi (trừ tạm ứng)	70.647	15.445	21,86	88,62
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	25.147	4.049	16,10	58,28
II- Chi thường xuyên	34.200	11.281	32,99	108,61
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	6.054	1.286	21,25	118,90
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	10.551	3.555	33,69	120,78
Sự nghiệp y tế	2.300	708	30,77	68,55
Quản lý hành chính	5.661	2.099	37,08	112,41

Chi đầu tư phát triển 4.049 tỷ đồng, đạt 16,10% dự toán, giảm 41,72% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 11.281 tỷ đồng, đạt 32,99% dự toán, tăng 8,61% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 1.286 tỷ đồng, đạt 21,25% dự toán, tăng 18,90%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 3.555 tỷ đồng, đạt 33,69% dự toán, tăng 20,78%; chi sự nghiệp y tế 708 tỷ đồng, đạt 30,77% dự toán, giảm 31,45%; chi quản lý hành chính 2.099 tỷ đồng, đạt 37,08% dự toán, tăng 12,41% so cùng kỳ 2016.

2. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 04 năm 2017, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 325 gồm 322 mã cổ phiếu, 2 mã chứng chỉ quỹ và 1 mã quỹ ETF; không thay đổi về số lượng so với cuối tháng trước (ngày 21/04 mã cổ phiếu PLX của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam giao dịch phiên đầu tiên, mã cổ phiếu VNA của Công ty Cổ phần Vận tải Biển VINASHIP hủy niêm yết). Trong tháng này, các mã trái phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va là NVL11605, NVL21602, NVL21604 có phiên giao dịch đầu tiên trên HOSE.

Giá trị vốn hóa thị trường là 1.747.119 tỷ đồng, tăng 17,12% so với cuối năm 2016. Trong tháng 04/2017 có 19 phiên giao dịch, 10 phiên tăng điểm và 9 phiên giảm điểm. VN-Index có xu hướng tăng ở đầu tháng rồi giảm mạnh và tăng nhẹ vào cuối tháng. Trong tháng 04, VN-Index có nhiều lần thiết lập đỉnh mới kể từ đầu năm vào các ngày: 04, 07, 10 và 11. Giao dịch trên thị trường trong tháng giảm so với tháng trước cả về khối lượng và giá trị giao dịch. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 717,73 điểm, tăng 7,95% (tương ứng tăng 52,86 điểm) so với cuối năm 2016 và giảm 0,63% (tương ứng giảm 4,58 điểm) so với cuối tháng trước.

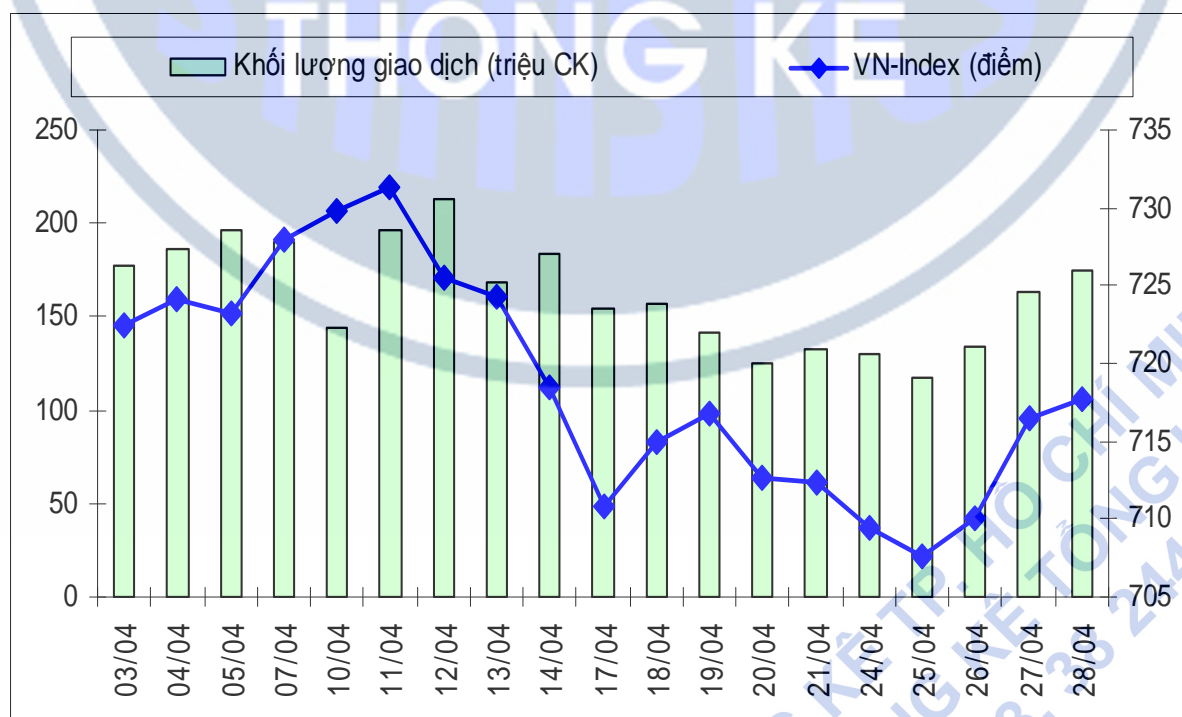
Khối lượng giao dịch của tháng 04/2017 đạt 3.495,39 triệu chứng khoán, giảm 22,33% so với tháng trước. Giá trị giao dịch của tháng đạt 76.507,50 tỷ đồng, giảm 13,96% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 183,97 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 4.026,71 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 5,98% và giá trị giao dịch tăng 4,15% so với tháng trước.

Đến cuối tháng 04 năm 2017, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 03/01 với 672,01 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 11/04 với 731,33 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 04/2017	4 tháng năm 2017	Tháng 04 so tháng 03	4 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	3.495,39	12.976,23	77,67	120,77
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	3.475,75	12.916,03	77,53	120,64
Trái phiếu	15,84	49,81	98,20	158,60
Chứng chỉ quỹ & ETF	3,80	10,39	358,49	148,43
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.090,09	11.783,18	75,19	123,68
Giao dịch thỏa thuận	405,30	1.193,05	103,84	97,99
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	76.507,50	264.350,03	86,04	147,86
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	74.797,58	258.998,30	85,77	147,59
Trái phiếu	1.667,71	5.237,20	97,69	162,06
Chứng chỉ quỹ & ETF	42,21	114,53	307,65	179,01
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	62.707,88	225.549,78	80,79	158,11
Giao dịch thỏa thuận	13.799,62	38.800,25	122,00	107,40

Đồ thị VN-Index tháng 04/2017 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 15/05/2017, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 325. Giá trị vốn hóa thị trường là 1.767.231 tỷ đồng, tăng 18,46% so với cuối năm trước; VN-Index đạt 725,35 điểm, tăng 60,48 điểm so với cuối năm trước (tương ứng tăng 9,10%).

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/3/2017 đến ngày 15/4/2017)

1.1. Vi phạm kinh tế: đã khám phá 68 vụ, bao gồm: buôn bán, vận chuyển hàng ngoại nhập lậu (20 vụ); mua bán, vận chuyển hàng cấm (25 vụ); kinh doanh hàng hóa không có hóa đơn, chứng từ (14 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả, vi phạm sở hữu công nghiệp (3 vụ); làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức (1 vụ), lừa đảo chiếm đoạt tài sản (1 vụ), kinh doanh trái phép, trốn thuế (4 vụ). Thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 2,4 tỷ đồng.

Trên lĩnh vực tội phạm môi trường: đã lập biên bản xử lý 38 vụ vi phạm về gây ô nhiễm môi trường, xử phạt hành chính 28 vụ thu khoảng 1,9 tỷ đồng.

1.2. Phạm pháp hình sự:

Đã xảy ra 391 vụ phạm pháp hình sự giảm 6,5% so với cùng kỳ năm trước; làm chết 12 người, bị thương 41 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 9 tỷ đồng. Trong đó có 7 loại án được kéo giảm, bao gồm: cướp tài sản 15 vụ (-1 vụ); giao cấu với trẻ em 4 vụ (-3 vụ); cưỡng đoạt tài sản 1 vụ (-1 vụ); cố ý gây thương tích 33 vụ (-2 vụ); cướp giết tài sản 76 vụ (-10 vụ); lừa đảo – lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 23 vụ (-4 vụ) và trộm tài sản 211 vụ (-17 vụ). Tuy nhiên, có 3 loại án tăng gồm: giết người 8 vụ (+4 vụ); chống người thi hành công vụ 5 vụ (+1 vụ) và án khác 12 vụ (+7 vụ).

Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá nhanh là 247 vụ (đạt 63,2%) và bắt 257 người vi phạm. Bắt, vận động đầu thú và thanh loại 15 đối tượng có lệnh truy nã.

1.3. Phòng chống tệ nạn xã hội:

Ma túy: đã khám phá 105 vụ, bắt 243 tên có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, đã khởi tố 82 vụ với 134 người vi phạm; xử lý hành chính 23 vụ với 109 người vi phạm.

Mại dâm và tệ nạn xã hội khác: phát hiện, xử lý 06 vụ có hành vi môi giới mại dâm và bán dâm.

Cờ bạc, cá độ: đã xử lý 21 vụ tổ chức cờ bạc bắt 226 người tham gia, thu giữ khoảng 523 triệu đồng và nhiều hiện vật.

1.4. Trật tự an toàn giao thông: xảy ra 310 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 54 người, bị thương 258 người. Trong đó, tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên 56 vụ, giảm 13,9% (-9 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 54 người (-4 người), bị thương nặng 15 người (-3 người); 254 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 243 người, hư hỏng 138 xe các loại.

Tai nạn giao thông đường thủy: xảy ra 4 vụ va chạm trên tuyến hàng hải và 2 vụ va chạm trên tuyến thủy nội địa. Không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

Phát hiện, lập biên bản xử lý 48.249 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, kiểm tra và xử lý 148 trường hợp nghi vấn xe quá khổ, chở hàng quá tải; tước giấy phép lái xe 5.659 trường hợp; tạm giữ 6.100 xe các loại; ra quyết định xử phạt 13.576 trường hợp, chuyển kho bạc nhà nước thu khoảng 10 tỷ đồng.

1.5. Về tình hình cháy, nổ: đã xảy ra 119 vụ cháy tăng 21,4% (+21 vụ) so với tháng trước, giảm 60,5% (-182 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 1 người, bị thương 8 người; thiệt hại tài sản ước khoảng 234 triệu đồng (19 vụ chưa ước tính được thiệt hại).

Trong tháng, trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

2. Giải quyết việc làm

Trong tháng, hệ thống đơn vị dịch vụ việc làm đã giới thiệu, giải quyết việc làm cho 26.215 lượt người, số chỗ việc làm mới tạo ra 12.473 chỗ làm. Lũy kế 5 tháng đầu năm, đã có 124.818 lượt người được giải quyết việc làm chiếm 44,6% so với kế hoạch, số chỗ việc làm mới tạo ra là 54.802 chỗ làm chiếm 43,8% so với kế hoạch.

Chính sách bảo hiểm thất nghiệp:

Từ ngày 1/4 đến 29/4, thành phố có 13.888 lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, số người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 15.723 người, số người được tư vấn - giới thiệu việc làm là 13.902 người (3.034 người có việc làm), số người được hỗ trợ học nghề là 990 người.

Từ đầu năm đến nay, đã có 39.892 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 11.430 người được tư vấn, giới thiệu việc làm nhận được việc, 4.647 người nhận quyết định hỗ trợ học nghề.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh tháng 5 và 5 tháng năm 2017.